

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2023/DS-PT

Ngày: 21/6/2023

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và hủy quyết định cá biệt*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Phước Hòa

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tiến

ông Trần Quốc Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2351/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ: 1, H, khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- ***Bị đơn:*** ông Phan Thanh B, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: 1, H, khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ông B có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ L1: bà Bùi Thị S, trú tại: khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thế M - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Trần Ngọc H1 - Phó Chủ tịch UBND phường P và ông Trần Vũ Q - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Địa chỉ: 1, H, khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

Người kháng cáo: bị đơn ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngôi nhà và đất ở hiện nay ông L đang sử dụng là của cha mẹ ông L là ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị T tạo lập từ năm 1964, ông L là con trai út sống chung với cha mẹ, đến năm 2002 thì cha mẹ qua đời. Ông L ở trên mảnh đất này đến năm 2015 mới được tất cả anh em trong gia đình thống nhất để lại nhà và đất cho ông sở hữu, sử dụng. Sau đó, ông L đến UBND phường P xin cấp Giấy CNQSD đất thì cán bộ địa chính phường trả lời là không làm được với lý do ông Phan Thanh B kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa số 162, tờ bản đồ số 20, đã chồng lên đất ông L với chiều ngang 0,5m, chiều dài 16m, diện tích 8m² vào năm 2007. Đất ông Phan Thanh B sử dụng là do ông Phan Thanh P và bà Bùi Thị S là cha mẹ của ông Phan Thanh B chuyển nhượng lại năm 2011 nay đã có Giấy CNQSD đất.

Trong những năm trước giải phóng giữa nhà ông L và nhà bà S (mẹ ông B) có con đường hẻm dành lối đi chung của các hộ phía sau nhà ông L. Nhưng đến năm 1992 các hộ có nhà phía sau có lối đi mới nên không sử dụng đường hẻm giữa hai nhà nữa. Năm 1994 bà S tranh chấp với ông L vì thấy ông L sửa hai phòng phía sau dọc đường hẻm, bà S sợ ông L làm hết đường hẻm nên bà đưa đơn kiện yêu cầu UBND phường P. UBND phường P hòa giải và hai bên cũng thống nhất chia đôi con hẻm, mỗi bên xây dựng tường rào đúng phần mình không ai tranh chấp nữa. Vì mỗi bên đều có tường riêng từ năm 1994 đến nay (ông L có đơn xác nhận).

Năm 2011, bà Bùi Thị S giao nhà và đất cho vợ chồng ông Phan Thanh B và bà Nguyễn Thị Mỹ L1. Sau khi sở hữu nhà và đất ông B đã liên hệ với cán bộ địa chính đo đạc và vẽ bản đồ thửa đất lần sang đất ở của ông L 0,4m x 16m = 6,4m² và được UBND thành phố T cấp Giấy CNQSD đất ngày 30/12/2011.

Qua buổi hòa giải ngày 23/9/2020 tại UBND phường P, ông L biết được vợ chồng ông B và bà L1 đã được cấp Giấy CNQSD đất đối với diện tích 93,7m² tại đất thửa số 162, tờ bản đồ số 20. Qua đối chiếu thực tế của hai bên thì đất ông L thiếu (0,5m x 16m = 08m²). Khi làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất gia đình ông L không ký từ cấn cho gia đình ông B làm Giấy CNQSD đất.

Như vậy, việc UBND thành phố T cấp Giấy CNQSD đất ngày 30/12/2021 cho gia đình ông B là không đúng quy định, xâm phạm đến quyền hợp pháp của gia đình ông L.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND thành phố T cấp cho ông Phan Thanh B và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 ngày 30/12/2011 thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, đối với diện tích đất tranh chấp qua đo đạc là 7,2m².

- Công nhận diện tích 7,2m² đất thuộc thửa đất số 159, tờ bản đồ số 20 tại khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn L.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trình bày:

Ngày 30/01/2007, UBND thành phố T đã cấp Giấy CNQSD đất cho cha mẹ ông bà là bà Bùi Thị S và ông Phan Đình P1 tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, diện tích 93,7m², sau đó cha mẹ ông bà có để lại thừa kế quyền sử dụng đất cho ông bà. Sau đó, UBND thành phố T đã cấp Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, diện tích 93,7m² cho vợ chồng ông bà.

Tại Công văn số 490/UBND-TNMT ngày 15/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố T trình bày:

Năm 2005, ông Phan Đình P1 và bà Bùi Thị S có đơn xin cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, phường P có nguồn gốc do cha mẹ để lại theo di chúc lập ngày 24/7/1998. Từ kết quả xây dựng hồ sơ pháp lý của Chi nhánh Văn phòng Đ và đề nghị của UBND phường P, UBND thành phố T đã cấp Giấy CNQSD đất ngày 30/1/2007 cho bà Bùi Thị S và ông Phan Đình P1 tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, diện tích 93,7m² là đúng quy định pháp luật.

Năm 2011, ông Phan Thanh B đã nhận tặng cho tài sản và đã đăng ký biến động được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất T (cũ) cập nhật, chỉnh lý biến động ngày 18/11/2011.

Ngày 22/11/2011, ông Phan Thanh B đề nghị cấp Giấy CNQSD đất thửa đất số 162, tờ bản đồ số 20, diện tích 93,7m² theo đúng diện tích ông Phan Thanh B đã nhận tặng cho. Theo đó, UBND thành phố T đã cấp Giấy CNQSD đất cho ông Phan Thanh B là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

“Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39 khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 điều 32 của luật tố tụng hành chính; các điều 11, 15, 115, 163 và 168 của Bộ luật dân sự; Điều 32 Luật đất đai năm 2003, khoản 7, 9 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 26, các Điều 53, 99, 100 và 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”* đối với bị đơn ông Phan Thanh B và bà Nguyễn Thị Mỹ L1.

Hủy một phần Giấy CNQSD đất đối với diện tích 7,2m² do UBND thành phố T cấp tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 20, diện tích 93,7m² tại khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho ông Phan Thanh B và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 ngày 30/12/2011.

Công nhận diện tích 7,2m² đất nằm trong thửa đất số 159, tờ bản đồ số 20, diện tích 93,7m² tại khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn L (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan Nhà nước theo quy định đối với phần diện tích 7,2m² đất.”

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 02/12/2022, ông Phan Thanh B và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Ngày 06/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 29/QĐ-VKS-DS, có nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng hủy Bản án dân sự số 57/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến: quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ để có đủ cơ sở giải quyết vụ án, không đưa 22 người (là anh chị em của ông Nguyễn Văn L, đã tặng cho quyền thừa kế cho ông L) tham gia tố tụng là sai lầm. Hội đồng xét xử sơ thẩm không xác minh đối với những nhân chứng mà nguyên đơn đưa ra là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy, đây là lần mở phiên tòa lần thứ 2, Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã có văn

bản trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của Ủy ban nhân dân thành phố T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[2] Ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị H kháng cáo với lý do: ông L không kê khai đăng ký, không có giấy tờ chứng minh phần diện tích tranh chấp, đồng thời cơ quan quản lý nhà nước về đất đai - UBND thành phố T vẫn chưa có ý kiến đối với phần diện tích tranh chấp mà Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở; Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không đưa bà Bùi Thị S, ông Phan Đình P1 (bố mẹ của ông B) vào tham gia tố tụng là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S, ông P1. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

[3] Xét diện tích đất đang tranh chấp, thấy:

[3.1] Theo “*Biên bản về việc xác định hiện trạng ranh giới, mốc giới thửa đất*” ngày 19/7/1999 để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ gia đình bà Bùi Thị S, thì hộ bà S tiếp giáp hộ gia đình ông Nguyễn C là đường thẳng có độ dài $11,78m + 4,56m = 16,34m$ (bl 70). Hiện trạng đất của hộ bà S đã được giữ nguyên không thay đổi, phù hợp với “*Trích lục bản đồ*” ngày 19/01/2007 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T đối với hộ gia đình bà Bùi Thị S, ông Phan Đình P1 thì vẫn là đường thẳng. (bl 124)

[3.2] Theo “*Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ*” ngày 28/4/2022, Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định:

“*Diện tích đất tranh chấp có sơ đồ, trích đo do Văn phòng Đ1 đo vẽ kèm theo.*

Tài sản trên đất tranh chấp gồm có đoạn tường có chiều dài: 10m; chiều cao 3,4m; chiều rộng 0,15m.

01 trụ xây gạch cao 1,7m KT (0,35 x 0,35).

Có phần Seno chiều rộng 0,25m; dài 2,04m; cao 0,15m.

Tất cả tài sản trên đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn L; các bên tranh chấp không yêu cầu định giá”.

[3.3] Theo ông Trần Ngọc H1 - Phó Chủ tịch UBND phường P thì phần sê nô đã được ông Nguyễn Văn C (bố của ông Nguyễn Văn L) xây dựng từ những năm 1975, phần tường của 02 phòng ngủ được xây dựng từ năm 1995, trước thời điểm hộ bà Bùi Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế hiện nay, gia đình ông Phan Thanh B cũng không có tài sản nào trên thửa đất đang tranh chấp. Hơn nữa, hộ gia đình bà Bùi Thị S, ông Phan Đình P1 xin đăng ký quyền sử dụng với diện tích $93,7m^2$, nhưng hiện nay gia đình ông Phan Thanh B đang sử dụng $91,7m^2$, nếu thêm phần diện tích đất tranh chấp thì gia đình ông Phan Thanh B lại sử dụng $(91,7m^2 + 7,2m^2 = 99,4m^2)$ vượt quá diện tích được công nhận. Do đó, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân thành phố T cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S đối với diện tích đất đang tranh chấp là không đúng.

[3.4] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích 7,2m² đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L là có căn cứ. Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1.

[4] Xét yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1:

[4.1] Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 là căn cứ vào hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà Bùi Thị S, ông Phan Đình P1. Bà S, ông P1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thời điểm này không có tranh chấp) nên khi ông B có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thuộc trường hợp chỉnh lý biến động. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định UBND thành phố T *cấp GCNQSD đất thừa đất số 159, tờ bản đồ số 20, diện tích 93,7m² tại khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam cho ông Phan Thanh B và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 ngày 30/12/2011 khi các cơ quan chức năng không khảo sát, thẩm tra thực trạng tình hình sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân có liên quan đối với phần diện tích 7,2m² đất, không giải quyết các tài sản là sê nô nhà và 02 phần tường phòng ngủ thuộc sở hữu của ông L có trên diện tích 7,2m² đất, không tiến hành kiểm tra, xác minh ai là người đang sử dụng diện tích 7,2m² đất nêu trên là không đúng quy định tại Điều 32 của Luật đất đai 2003*” để từ đó hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 là không đúng quy định pháp luật.

[4.2] Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S, ông P1 đối với phần diện tích 7,2m² đất đang tranh chấp là không đúng nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 (do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S, ông P1 chỉnh lý sang tên cho ông B, bà L1) cũng là không đúng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B, bà L1 đối với phần diện tích 7,2m² là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Bùi Thị S, ông Phan Đình P1 tham gia tố tụng, thấy: bà S, ông P1 đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1. Do đó, bà S, ông P1 không có quyền lợi liên quan trong vụ án này.

[6] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quang Nam về việc không đưa 22 người (là những người thừa kế liên quan đến tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị T) tham gia tố tụng: Thấy, 22 người nêu trên đã thống nhất để lại tài sản thừa kế là thửa đất có diện tích 157,4m² cho ông Nguyễn Văn L, trong khi diện tích đất tranh chấp chỉ là 7,2m²,

trong trường hợp 22 người này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thông báo về việc chấm dứt tham gia tố tụng vào ngày 15/7/2022 đối với 22 người nêu trên cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cũng đã có ý kiến “*Sau khi làm rõ tại phiên tòa, những anh chị em của ông L không liên quan đến vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án*”. Do đó, không chấp nhận đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[7] Xét nội dung kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ: Hội đồng xét xử thấy tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định diện tích đất tranh chấp là của hộ gia đình ông Nguyễn Văn L, Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S, ông P1 đối với diện tích đất tranh chấp là không đúng thực tế sử dụng. Vì vậy, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, nên ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị M1 phải nộp án dân sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

3. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000290 ngày 12/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Xác nhận ông Phan Thanh B, bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo như: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa